

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2023/HC-ST

Ngày 27 – 4 – 2023

*V/v khiếu kiện quyết định hành
chính về lĩnh vực quản lý đất đai*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Thiện

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đoàn Văn Tri

Ông Trần Thanh Trung

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Khánh Vy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Hảo - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 99/2021/TLST-HC ngày 27/10/2021 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý đất đai*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2023/QĐXXST-HC ngày 15 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1954; địa chỉ: Số A N, thị trấn H, huyện T, tỉnh Quảng Nam; (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Nguyễn Thị Tuyết S, Công ty L1, Đoàn Luật sư tỉnh Q; địa chỉ: Tổ C, khối phố Đ, phường T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam; (có mặt)

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện T.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn H – Phó Chủ tịch UBND huyện T. (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Trương Công H1 – Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T. (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân xã B, huyện T;

Địa chỉ: Tổ B, thôn H, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị H2 – Chủ tịch; (có đơn xin vắng mặt)

2. Ông Trương Thanh V, sinh năm 1949; (có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của ông V: Ông Trương Quang B, sinh năm 1950; địa chỉ: K T, quận H, thành phố Đà Nẵng; (có mặt)

3. Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1952; (có mặt)

Cùng địa chỉ: Tổ A, thôn H, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

4. Bà Nguyễn Thị Lê M, sinh năm 1984;

5. Bà Nguyễn Thị Minh T, sinh năm 1987;

6. Ông Nguyễn Văn Lê H3, sinh năm 1993;

Cùng địa chỉ: Số A N, thị trấn H, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

(Bà M, bà T, ông H3 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trình bày của người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà M, bà T, ông H3 có cùng trình bày:

Nguyên gia đình ông N có diện tích đất tọa lạc tại tổ B thôn H, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam là 3586m² (Ba ngàn năm trăm tám mươi sáu mét vuông), diện tích đất này đã được các cấp chính quyền địa phương đo đạc và xác nhận trên tờ bản đồ số 10, thửa 280. Trên diện tích đất này bản thân và gia đình ông N đã trồng cây dương liễu có thu hoạch ba lần đạt kết quả khá tốt trong trồng trọt, góp phần vào cải thiện kinh tế gia đình trong lúc khó khăn. Cho đến năm 2003 bản thân và gia đình có thuê xe cơ giới san bằng diện tích đất trên một lần nữa để bằng phẳng hơn, đồng thời trồng lại keo lá tràm trên diện tích đất này. Suốt trong thời gian dài cây phát triển xanh tốt và cũng không có ai khiếu kiện hay tranh chấp gì cả.

Cho đến nay hộ ông Trương Thanh V, hiện ở tại tổ A thôn H, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam, có mảnh đất liền kề với mảnh đất của gia đình ông N mà trước nay không hề có ý kiến tranh chấp hay vướng mắc gì khác vì từ trước giờ đất của ai người ấy sử dụng riêng biệt từ hồi nào cho đến giờ. Cho đến ngày 20/8/2018, gia đình ông Trương Thanh V có yêu cầu ông Nguyễn Văn N ký giúp xác nhận "tứ cận" để ông có đủ điều kiện xin lập thủ tục cấp giấy CNQSD đất theo quy định của pháp luật với diện tích của ông đang sử dụng. Ông N đã ký xác nhận là diện tích mảnh đất của ông V có giáp ranh tứ cận với diện tích của đình ông vì nghĩ diện tích đất đã được các cấp có thẩm quyền đo vẽ, có số liệu cụ thể rồi nên ông N ký xác nhận. Hơn nữa bản thân ông N ở xa với diện tích đất nên không theo dõi thường xuyên được việc ông Trương Thanh V dùng cọc đóng vào phần diện tích của đất ông N đang trồng keo, ông cũng không hiểu rõ được phần diện tích đo vẽ chồng lấn vào diện tích của ông. Đến ngày 03/9/2018, ông Ngọc r bờ ranh giới bằng 15 cây cột bê tông và giăng 3 dây thép gai thì thấy được vị trí ông V đóng cọc lấn chiếm phần đất của ông nên ngày 17/9/2018 đơn rút chữ ký xác nhận ranh giới vì xâm lấn đất gửi UBND xã B nhưng không được UBND xã B giải quyết.

Chưa dừng lại ở đó, ngày 12/7/2019 gia đình ông Trương Thanh V đã thuê xe múc phá hết phần bờ rào của gia đình ông N và san bằng diện tích để hợp thức hóa phần đất của gia đình ông N vào diện tích của gia đình ông. Trên diện tích bị phá này có một số cây keo lá tràm của ông N đã trồng trước đó đang đến kỳ thu hoạch bị bật gốc chết khô gây thiệt hại về kinh tế cho gia đình ông N. Tôi làm đơn yêu cầu giải quyết lần thứ 2 nhưng UBND xã B, Công an xã cũng

lập biên bản và chờ xác minh xử lý. Nhưng không rõ lý do gì mà địa phương không xử lý như biên bản mà lại tạo điều kiện cho gia đình ông V làm thủ tục cấp giấy CNQSD đất trong khi bản thân ông N đang có đơn khiếu nại và đất đang tranh chấp nhưng sự việc lại ngược lại hoàn toàn một cách phi lý đất đang khiếu nại, đang xảy ra tranh chấp mà ngày 10/7/2019 hộ ông Trương Thanh V lại nhận được giấy CNQSD đất số CQ398116 cấp ngày 10/7/2019, vào sổ số CH03015 do UBND huyện T cấp. Việc ông V được cấp Giấy chứng nhận ông N hoàn toàn không biết gì UBND xã B không giải quyết khiếu nại tranh chấp của ông N. Đến năm 2021, ông N mới biết được việc ông V đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

UBND huyện T cấp giấy CNQSD đất cho hộ ông Trương Thanh V là trái với quy định của "Luật đất đai hiện hành và không đúng theo quy định của pháp luật". Dựa trên những chứng cứ và cơ sở đã chứng minh ông N yêu cầu Tòa án giải quyết:

Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CQ398116 ngày 10/7/2019 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho hộ ông Trương Thanh V đối với thửa đất số 576, tờ bản đồ số 10, diện tích 527,9m², địa chỉ tại tổ C, thôn H, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

Ý kiến của người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện T tại Văn bản số 308/UBND-TNMT ngày 03/3/2022:

Đối với yêu cầu của người khởi kiện đề nghị hủy Giấy chứng nhận QSD đất số CQ 398116, do UBND huyện T cấp ngày 10/7/2019 cho ông Trương Thanh V đối với thửa đất số 576, tờ bản đồ số 10, diện tích 527,9m, địa N1. chỉ thửa đất tại tổ 3, thôn Hà Bình, xã Bình Minh, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng

Vào ngày 15/3/2019, ông Trương Thanh V lập đơn đăng ký, cấp giấy chứng nhận QSD đất với diện tích 527,9m² đất trồng cây lâu năm theo kết quả đo đạc tại mảnh trích đo địa chính thửa đất số 2895/CN.VPĐKĐĐ lập ngày 25/9/2018. Vào ngày 18 tháng 3 năm 2019, trưởng thôn H chủ trì họp lấy ý kiến khu dân cư về nguồn gốc, thời điểm và quá trình sử dụng thửa đất này của ông Trương Thanh V và đã thống nhất xác định nguồn gốc sử dụng thửa đất do cha mẹ ông Trương Thanh V khai hoang sử dụng ổn định trồng cây lâu năm từ năm 1980 để lại, tình trạng không có tranh chấp và được 04 hộ dân ký xác nhận (Nguyễn Văn T1, Hồ Văn T2, Phan Lịch S1, Đặng Ngọc K). U đã xác nhận nội dung trên cùng ngày. Ngoài ra, thửa đất cũng được các hộ dân sử dụng đất liền kề ký xác nhận đồng ý thống nhất ranh giới, mốc giới sử dụng đất của ông Trương Thanh V (T, H, Nguyễn Văn N).

Sau khi công dân xác lập hồ sơ đề nghị cấp giấy, địa phương xác nhận trường hợp ông Trương Thanh V đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp theo quy định Luật đất đai 2013, trình lên cấp có thẩm quyền xem xét cấp giấy chứng nhận QSD đất sử dụng đất theo đúng quy định.

Về trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận QSD đất cho ông Trương Thanh V được thực hiện theo đúng quy định pháp luật. Do đó, ông Nguyễn Văn N đề nghị hủy Giấy chứng nhận QSD đất số CQ 398116, do UBND huyện T cấp ngày 10/7/2019 cho ông Trương Thanh V đối với thửa đất số 576, tờ bản đồ số 10,

diện tích 527,9m², địa chỉ thửa đất tại tổ C, thôn H, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam là không có cơ sở.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Thanh V trình bày: Nguyên thửa đất 576, tờ bản đồ số 10, diện tích 527,9m² là của cha mẹ ông V để lại, sau khi cha mẹ mất thì để lại cho anh em ông V sử dụng để trồng cây B, K1, Dương L. Đến năm 2012, 2013 ông V mới làm thủ tục để xin cấp Giấy chứng nhận nhưng đến năm 2019 mới tiến hành đo đạc, lúc này ông N mới bắt đầu tranh chấp. Ngày 10/7/2019, gia đình ông V được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 576, tờ bản đồ số 10, diện tích 527,9m², địa chỉ thửa đất tại tổ C, thôn H, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam. Khởi kiện của ông N là không có cơ sở.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND xã B trình bày:

Về nguồn gốc thửa đất số 576, tờ bản đồ số 10, diện tích 527,9m :

Sau khi tiếp nhận hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 576, tờ bản đồ số 10, diện tích 527,9m² tại thôn H, xã B, huyện T, UBND xã B căn cứ vào Khoản 4, điều 21, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ, tổ chức họp xét để xác định nguồn gốc sử dụng đất, tình trạng tranh chấp, trên cơ sở Ý kiến dân cư nơi có đất vào ngày 18/03/2019, tại cuộc họp này xác định: thửa đất 576, tờ bản đồ số 10 do cha mẹ ông Trương Thanh V khai hoang trồng cây lâu năm từ năm 1980 để lại và sử dụng ổn định. Tại cuộc họp Hội đồng tư vấn đất đai xã B ngày 04/4/2019, đã thống nhất xác định nguồn gốc như ý kiến khu dân cư.

Theo hồ sơ địa chính: Theo hồ sơ địa chính của Nghị định 64/CP được Sở Địa Chính Quảng Nam phê duyệt ngày 30/11/1997, thửa đất 576, tờ bản đồ số 10, diện tích 527,9m² là phần bao gồm các thửa đất thuộc tờ bản đồ số 07, là thửa số 108 và một phần thửa 216, loại đất: đất bằng chưa sử dụng (Hg), do UBND xã Quản lý. Ý kiến của UBND xã B đối với yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện: Hủy GCN QSDĐ số CQ398116 do UBND huyện cấp ngày 10/7/2019 như sau: Qua kiểm tra hồ sơ và nguồn gốc sử dụng đất, UBND xã B nhận thấy việc cấp GCN QSDĐ nêu trên là đúng quy định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đúng theo quy định tại Điều 148, Điều 189 Luật tổ tụng hành chính. Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa, UBND huyện T và UBND xã B vắng mặt nên chưa làm rõ được thời hiệu khởi kiện của ông N về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông V nên đề nghị HĐXX tạm ngừng phiên tòa để triệu tập UBND huyện T và UBND xã B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến trình bày của các bên đương sự và tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử (HĐXX) sơ thẩm xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về đối tượng khởi kiện, thẩm quyền giải quyết của Tòa án và quan hệ pháp luật:

Tại phiên toà, người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không sửa đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CQ 398116, do UBND huyện T cấp ngày 10/7/2019 cho ông Trương Thanh V đối với thửa đất số 576, tờ bản đồ số 10, diện tích 527,9m², địa chỉ thửa đất tại tổ C, thôn H, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam là quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai, căn cứ quy định tại Điều 3, Điều 30, Điều 32 Luật Tố tụng hành chính năm 2015 thì yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn N là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam. Do vậy, Toà án nhân tỉnh Quảng Nam thụ lý giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật và xác định quan hệ pháp luật giải quyết vụ án là “*Khiếu kiện quyết định hành chính về lĩnh vực quản lý đất đai*”.

[1.2] Về thời hiệu khởi kiện và quyền khởi kiện:

Năm 2019, ông Nguyễn Văn N và ông Trương Thanh V có tranh chấp về ranh giới sử dụng đất nhưng lúc này ông V chỉ mới làm thủ tục chưa được cấp Giấy chứng nhận, ông N không biết rõ thời điểm ông V được cấp Giấy chứng nhận biết được việc ông Trương Thanh V được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đến năm 2021 ông N mới biết được việc ông V được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến ngày 14/6/2021, ông Nguyễn Văn N khởi kiện tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam, Căn cứ khoản 1 Điều 115, khoản 3 Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính, ông N có quyền khởi kiện và yêu cầu của ông S2 còn trong thời hiệu khởi kiện.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét tính hợp pháp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CQ 398116, do UBND huyện T cấp ngày 10/7/2019 cho ông Trương Thanh V đối với thửa đất số 576, tờ bản đồ số 10, diện tích 527,9m², địa chỉ thửa đất tại tổ C, thôn H, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam thấy rằng:

[2.1.1] Xét nguồn gốc thửa đất và quá trình kê khai đăng ký thửa đất 576, tờ bản đồ số 10, diện tích 527,9m², địa chỉ thửa đất tại tổ C, thôn H, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam:

Ông Nguyễn Văn N cho rằng trong tổng diện tích 527,9m² ông V được cấp Giấy chứng nhận có một phần diện tích thuộc tổng diện tích 3586m² ông N đang quản lý sử dụng để trồng cây lâu năm.

Ông Trương Thanh V cho rằng diện tích 527,9m² thuộc 576, tờ bản đồ số 10 là của cha mẹ ông V để lại để trồng B, K1, Dương L. Đến năm 2012, ông V xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng đến 2019 mới được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tòa án đã tiếp hành xem xét thẩm định tại chỗ toàn bộ diện tích 527,9m² của thửa đất 576, tờ bản đồ số 10, theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 20/5/2022 của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Nam xác định diện tích của thửa 576, tờ bản đồ số 10 được đo đạc thực tế là 542,2m², trong đó diện tích các bên tranh chấp là 344,1m², trên diện tích đất tranh chấp có 01 cây Bạch Đàn tái sinh

ĐK 5-10cm. 02 cây Keo ĐK 5-10cm, 04 cây Keo mới trồng (BL 88, 89, 90).

Tại Văn bản số 10/UBND-ĐC ngày 27/2/2023 của UBND xã B xác định nguồn gốc thửa đất do cha mẹ ông Trương Thanh V khai hoang sử dụng từ năm 1980, ông Trương Thanh V không kê khai qua các thời kỳ, theo hồ sơ Nghị định 64/CP thuộc thửa đất số 108, tờ bản đồ số 07 và một phần thửa đất số 216, tờ bản đồ số 07, loại đất bằng chưa sử dụng do UBND xã quản lý.

Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định, trong quá trình sử dụng thửa đất nêu trên đến thời điểm làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông Trương Thanh V không kê khai, đăng ký quyền sử dụng thửa đất này và không có một trong các giấy tờ theo quy định tại Điều 100 của Luật đất đai năm 2013.

[2.1.2] Xét hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CQ 398116, do UBND huyện T cấp ngày 10/7/2019 cho ông Trương Thanh V đối với thửa đất số 576, tờ bản đồ số 10, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Theo hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông V do Chi nhánh Văn phòng Đ cung cấp gồm: Đơn đăng ký cấp Giấy chứng nhận ngày 15/3/2019 tại thửa đất 576, tờ bản đồ số 10, diện tích 527,9m², loại đất trồng cây lâu năm; trích đo địa chính thửa đất ngày 25/9/2018; bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất ngày 17/9/2018; phiếu lấy ý kiến của khu dân cư ngày 18/3/2019; trích biên bản họp hội đồng tư vấn đất đai xã B, tờ trình xem xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND xã B ngày 10/5/2019.

Theo hồ sơ này, ngày 17/9/2018 Chi nhánh Văn phòng Đ và UBND xã B tiến hành đo đạc xác định ranh giới, mốc giới, diện tích thửa đất 576, tờ bản đồ số 10. Tại bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất ngày 17/9/2018 ông Nguyễn Văn N là hộ sử dụng đất lân cận thửa đất có ký giáp ranh. Tuy nhiên, ngày 17/9/2018, ông Nguyễn Văn N có Đơn báo cáo lấn chiếm diện tích đất được UBND xã B nhận ngày 18/9/2018, theo đơn này ông N xác định rút lại chữ ký trong bản mô tả ranh giới mốc giới ngày 17/9/2018 vì cho rằng khi ông N kiểm tra hiện trạng phát hiện ông V cắm mốc lấn đất của ông N qua 8m, theo đơn này ông N đề nghị UBND xã B giải quyết việc lấn chiếm này (BL03) và phù hợp với biên bản xác minh của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T vào ngày 25/4/2023.

Theo trình bày của ông N trong hồ sơ vụ án và các chứng cứ có tại hồ sơ qua tranh tụng tại phiên tòa thể hiện: Từ khi làm đơn báo cáo lấn chiếm đất và rút lại chữ ký xác nhận hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Trương Thanh V gửi cầu UBND xã B giải quyết tranh chấp. Ủy ban nhân dân xã B đã tiếp nhận đơn ngày 18/9/2018, sau khi tiếp nhận thì Ủy ban nhân dân xã B không tiến hành hoà giải tranh chấp và xử lý việc rút chữ ký xác định ranh giới của ông N. Đến ngày 12/7/2019 Ủy ban nhân dân xã B mới tổ chức hoà giải tranh chấp đất đai nhưng không thành. Như vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở để xác định diện tích đất tại thửa đất 576, tờ bản đồ số 10 trước khi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trương Thanh V thì phát sinh tranh chấp Ủy ban nhân dân xã B, huyện T đã tiếp nhận đơn nhưng chưa được giải quyết theo quy định của pháp luật.

Theo ý kiến của Chi nhánh Văn phòng Đ tại Đơn đăng ký cấp Giấy chứng nhận ngày 15/3/2019 (BL56): “*Căn cứ Điều 99 Luật Đất đai 2013 thửa đất 576, tờ bản đồ số 10, diện tích 527,9m² đủ điều kiện để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*” là chưa phù hợp.

Căn cứ Điều 99, Điều 101 Luật Đất đai quy định về cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất mà không có giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định: “*Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất không có các giấy tờ quy định tại Điều 100 của Luật này nhưng đất đã được sử dụng ổn định từ trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 và không vi phạm pháp luật về đất đai, nay được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận là đất không có tranh chấp, phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị, quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt đối với nơi đã có quy hoạch thì được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất*”.

Xét thấy, ông N có đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp do không xác định đúng mốc giới lần sang đất ông N từ ngày 17/9/2018, nhưng đến ngày 10/5/2019 UBND xã B vẫn xác nhận đất không có tranh chấp để tham mưu tờ trình gửi UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trương Thanh V là không đúng quy định tại Điều 101 Luật Đất đai 2013.

[4] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện, về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CQ398116 ngày 10/7/2019 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho ông Trương Thanh V đối với thửa đất số 576, tờ bản đồ số 10, diện tích 527,9m², địa chỉ tại tổ C, thôn H, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

[5] Chi phí tố tụng:

- Về án phí hành chính sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên người bị kiện phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

- Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 9.000.000 đồng, người khởi kiện không yêu cầu xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính 2015;

Căn cứ Điều 99, 100, 101, 105, 106 Luật đất đai 2013; khoản 2 Điều 19 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; khoản 2 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn N:

Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CQ398116 ngày 10/7/2019 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho hộ ông Trương Thanh V đối với thửa đất số 576, tờ bản đồ số 10, diện tích 527,9m², địa chỉ tại tổ C, thôn H, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

[2] Án phí hành chính sơ thẩm: Ủy ban nhân dân huyện T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hành chính sơ thẩm.

[3] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Cục THADS tỉnh Quảng Nam;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Quốc Thiện